UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1338/QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 13 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt bổ sung lần 3 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 530 /TTr-TNMT ngày 08 /10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vũ Đăng Nghiên - Cư trú tại Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **160.255.769 đồng**.

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 3 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đông Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Vũ Đăng Nghiên có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU T. LAI CHÂU

Bùi Hữu Cam

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (Phê duyệt bổ sung lần 3)

Dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 1338 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	**Vũ Đăng Nghiên**				
	Địa chỉ: Tổ 22 phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**160.255.769**
a	***Về đất***				***11.707.200***
1	Diện tích thu hồi	m^2	325,2		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm khác	m^2	325,2	36.000	11.707.200
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Đất ông Vũ Đăng Nghiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Đăng Nẩy năm 2007, đất ông Nẩy nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông Thào A Sang năm 2007, đất ông Sang nhận tặng cho của bố là ông Thào A Chư trước năm 1993 đất ông Chư khai hoang khoảng từ năm 1970, phần diện tích 12,1 m^2 chồng lấn lên thửa 104, TBĐ 23 và 0,4 m^2 chồng lấn lên thửa 1, TBĐ 100 là đất thủy lợi và đất giao thông là do sai số giữa các lần đo đạc, trên thực tế ông Nghiên vẫn đang sử dụng ổn định. Toàn bộ diện tích chồng lấn 12,5 m^2 có cùng nguồn gốc và mục đích sử dụng đất với thửa đất số 39, TBD 23. Đất gia đình ông Nghiên sử dụng ổn định không tranh chấp				
b	***Về tài sản vật kiến trúc (Hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND) xây dựng từ khoảng năm 2007 đến năm 2011)***				***97.298.969***
	Tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất, xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường				
1	Nhà xây gạch bi tường 12cm mái lợp Prxm nền láng VXM cao 3 không trần, không hiên (trừ đơn giá trần nhựa 120.340 đồng) (11*4,4) có15,4 m2 xây dựng trên đất nông nghiệp có kết cấu như mục 2 khoản 2.6 Điều 2 Quyết định 16/2020 (3 phần nằm trên đất đã thu hồi năm 2006 không bồi thường	m^2	15,4	636.372	9.800.129
2	Nhà xây gạch bi tường 12 cm mái lợp Prxm nền láng vữa XM cao 2,8 m (4,8*4,5)	m^2	21,6	636.372	13.745.635
3	Sân BT đá dăm dày 10 cm (11*2,8)	m^2	30,8	41.800	1.287.440
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (0,8*0,6)+(5*3,7)	m^2	19,0	41.800	793.364
5	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	16,6	24.200	401.720

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
6	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	6,0	24.200	145.200
	Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường				
1	Trục cổng xây gạch bi (0,8*0,5*1,8)	m^3	0,7	546.700	393.624
2	Ống PVC Φ 110	m	50,0	55.700	2.785.000
3	Rãnh thoát nước ngoài nhà không nắp xây gạch hoàn chỉnh	m	6,5	115.500	750.750
4	Bóc tách bể trước nhà				
4.1	Tường xây gạch bi tường 12cm (11,7*1,1)	m^2	12,9	127.600	1.642.212
4.2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,8*4,8)	m^2	18,2	83.600	1.524.864
5	Kè đá xây (10,6*2,5*0,7) giữa đất	m^3	18,6	392.700	7.284.585
6	Tam cấp xây đá (3,8*2,5*0,45)	m^3	4,3	392.700	1.678.793
7	Kè đá xây (12,5*2,2*0,7) giữ đất	m^2	19,3	392.700	7.559.475
8	Xây trát kết cấu không xác định (1,2*1,2*1,2)	m^2	1,7	546.700	944.698
9	Kè đá xây (23,2*1,2*0,5) giữ đất	m^3	13,9	392.700	5.466.384
10	Kè đá xây (1,8*30,3*1,2) giữ đất	m^3	65,4	392.700	25.701.430
11	Lưới mắt cáo (32,5*1,2)	m^2	39,0	5.000	195.000
12	Lưới B40 (1,2*7,5) hỗ trợ di chuyển	m^2	9,0	25.000	225.000
13	Cọc BTCT (0,1*0,1*2,0)*18	m^2	0,4	1.393.700	501.732
14	Móng cọc BT (0,4*0,4*0,5)*18	m^2	1,4	852.500	1.227.600
15	Lưới B40 (55*1,8) (hỗ trợ di chuyển)	m^2	99,0	25.000	2.475.000
16	Cọc BTCT (0,1*0,1*2,5)*35	m^3	0,9	1.393.700	1.219.488
17	Móng cọc BT (0,4*0,4*0,5)*35	m^2	2,8	852.500	2.387.000
18	Kè đá xây (19*1,6*0,6)	m^3	18,2	392.700	7.162.848
b	***Về cây cối hoa màu (Bồi thường, hỗ trợ theo mục b, c, e, Khoản 1, Điều 14, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND)***				***16.128.000***
1	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2-4 m	Cây	12	624.000	7.488.000
2	Cây khế bán kính phát tán từ 2 đến 4 m	Cây	3,0	360.000	1.080.000
3	Cây bưởi bán kính phát tán từ 2-4 m	Cây	8,0	480.000	3.840.000
4	Cây ổi bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000
5	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2m	Cây	2,0	360.000	720.000
6	Cây khế bán kính phát tán từ 2 đến 4 m	Cây	1,0	360.000	360.000
7	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	10,0	192.000	1.920.000
c	**Về chính sách hỗ trợ**				**35.121.600**

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	đồng/ hộ	325,2	108.000	35.121.600